TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày 28/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Tại điểm cầu trung tâm:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hằng.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Kiên

2. Bà Nguyễn Thị Khánh Ly

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lã Thu Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên toà: Ông Tòng Văn Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2024/TLST-HS, ngày 22/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HS ngày 15/11/2024 đối với các bị cáo:

Tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện T có các bị cáo

1/ Vàng Thị S; Sinh ngày: 01/6/1993; Tại: T, Lai Châu; Nơi ĐKHKTT: bản Huổi Cày, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông: Vàng A S1 (đã chết) và bà: Tráng Thị B, sinh năm: 1968; Bị cáo có chồng: Sùng A C, sinh năm 1980 và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 28/6/2024, tạm giam ngày 01/7/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. *(Có mặt tại phiên tòa).*

2/ Giàng Thị N; Sinh ngày: 10/9/1987; Tại: huyện T, tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT: bản Huổi Cày, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Mông; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Con ông: Giàng Páo C1 (đã chết) và bà: Mùa Thị V, sinh năm: 1939; Bị cáo có chồng: Vàng A C2, sinh năm 1982 và 07 con: con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 25/6/2024 đến ngày 01/7/2024, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt).*

Người phiên dịch cho bị cáo Vàng Thị S là anh Giàng A S2, sinh năm: 2003; địa chỉ: khu G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu *(có mặt).*

Tại điểm cầu trung tâm có: người làm chứng: Vàng Thị D và Sùng A T *(vắng mặt tại phiên tòa).*

Tại điểm cầu thành phần Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L có Người bào chữa cho bị cáo là bà Nông Thị Minh H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L *(Có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Vàng Thị S khai nhận: do quen biết từ trước với Giàng A V1 (sinh năm 1973; cư trú tại bản K, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La). Khoảng 08 giờ ngày 15/6/2024, Vàng Thị S gọi điện thoại cho Giàng A V1 hỏi mua Heroine thì V1 đồng ý. Vàng đã hẹn gặp S tại lán ruộng của V1 tại địa phận bản K, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La để mua bán Heroine. Sau khi trao đổi việc mua bán Heroine, Vàng Thị S đi bộ từ nhà bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu đến lán ruộng của Giàng A V1 tại địa phận bản K, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La. Tại đây, Vàng Thị S đã mua của Giàng A V1 01 gói Heroine với số tiền 50.000 đồng, mục đích để bán kiếm lời. Mua được H1, S mang về nhà tại bản Huổi Cầy, xã T, huyện T, cất giấu trong chiếc váy để trong buồng ngủ, không cho ai biết. Đến khoảng 07 giờ ngày 16/6/2024, khi Vàng Thị S đang ở nhà thì có Vàng Thị D, sinh năm 1979 (là người trú cùng bản) đến gặp S hỏi mua Heroine. D đưa cho S số tiền 20.000 đồng, S cầm tiền rồi lấy gói Heroine cất giấu trong chiếc váy ra, cấu lấy một ít bán cho D. Số Heroine còn lại, S cất giấu tại vị trí cũ. Đối với Vàng Thị D, sau khi mua được H1 đã mang về sử dụng hết. Sau khi bán Heroine cho Vàng Thị D được một lúc thì có Giàng Thị N đến nhà S hỏi mua Heroine, N đưa cho S một tờ tiền có mệnh giá 50.000 đồng. S cầm tiền rồi lấy gói Heroine cất giấu trong chiếc váy ra bán cho Giàng Thị N.

Đến khoảng 08 giờ ngày 23/6/2024, Vàng Thị S tiếp tục đi bộ đến lán ruộng của Giàng A V1 tại địa phận bản K, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La mua của Giàng A V1 01 gói Heroine với số tiền 200.000 đồng, mục đích để bán. Mua được H1, S mang về nhà tại bản Huổi Cầy, xã T, huyện T, cất giấu trong chiếc váy để trong buồng ngủ không cho ai biết. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi Vàng Thị S đang ở nhà thì có Giàng Thị N tiếp tục đến hỏi mua Heroine. N đưa cho S số tiền 250.000 đồng (gồm 05 tờ tiền đều có mệnh giá 50.000 đồng). S nhận tiền rồi lấy gói Heroine cất giấu trong chiếc váy ra, cấu lấy một ít (gói lại bằng mảnh nilon màu trắng) bán cho Giàng Thị N. Số Heroine còn lại, S cất giấu tại vị trí cũ không cho ai biết. Đến khoảng 19 giờ ngày 27/6/2024, khi Vàng Thị S đang ở nhà thì có Sùng A T, sinh năm 1978 (trú cùng bản với S) đến nhà gặp S hỏi mua Heroine. T đưa cho S số tiền 50.000 đồng, S cầm tiền rồi lấy gói Heroine trong chiếc váy ra bán cho T. Mua được H1, T mang về nhà sử dụng hết.

Đối với Giàng Thị N: sau khi mua được Heroine, N mang về nhà tại bản Huổi Cầy, xã T, huyện T sử dụng nhiều lần. Số Heroine còn lại, N gói lại bằng

mảnh ni lon màu trắng cất trong túi vải đeo trước bụng không cho ai biết, mục đích để sử dụng. Đến hồi 06 giờ 15 phút ngày 25/6/2024, tại bản Gia, xã T, huyện T khi Giàng Thị N đang đi nhờ xe mô tô của anh Vàng A D1, sinh năm 1985 và chị Cứ Thị L, sinh năm 1982 (cùng cư trú tại bản H, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu) để đi làm thuê thì Giàng Thị N bị Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ 01 túi vải đa màu sắc đeo trước bụng của Giàng Thị N bên trong có 01 gói Heroine (được gói bằng mảnh ni lon màu trắng).

Khám xét khẩn cấp nơi ở đối với Vàng Thị S, Cơ quan CSĐT Công an huyện T thu giữ của Vàng Thị S số tiền 300.000 đồng (gồm 06 tờ tiền đều có mệnh giá 50.000 đồng) do S bán Heroine mà có. Đối với chiếc điện thoại Vàng Thị S dùng để giao dịch mua bán Heroine, do con của Vàng Thị S đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản kết luận giám định tư pháp số 71 ngày 25/6/2024 của người giám định theo vụ việc Công an huyện T và kết luận giám định số 853 ngày 28/6/2024 của phòng K Công an tỉnh L kết luận: mẫu chất bột, màu trắng thu giữ của Giàng Thị N có tổng khối lượng 0,7 gam; là ma túy, loại: Heroine (Heroin)

Tại bản kết luận giám định số 905 ngày 04/7/2024 của phòng K Công an tỉnh L kết luận: số tiền 300.000 đồng thu giữ của Vàng Thị S là tiền thật.

Vật chứng còn lại của vụ án: 0,6 gam Heroine; 01 túi vải đa màu sắc; 01 mảnh ni lon màu trắng; 01 vỏ bì niêm phong ban đầu thu giữ của Giàng Thị N; số tiền 300.000 đồng thu giữ của Vàng Thị S. Hiện số vật chứng trên đang được lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên.

Bản cáo trạng số: 135/CT-VKS ngày 21/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên đã truy tố bị cáo Vàng Thị S về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự 2015; đối với bị cáo Giàng Thị N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 – Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vàng Thị S phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy"*; bị cáo Giàng Thị N phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Vàng Thị S từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 - Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo S.

* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Giàng Thị N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 - Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo N.

Về vật chứng: Về vật chứng: áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 – BLHS; điểm b, c khoản 2 Điều 106 – BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: 0,6 gam Heroine là vật cấm tàng trữ; 01 túi vải đa màu sắc là phương tiện dùng vào việc phạm tội; 01 mảnh ni lon màu trắng; 01 vỏ bì niêm phong ban đầu thu giữ của Giàng Thị N không còn giá trị sử dụng; sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng do bị cáo S bán ma túy mà có.

Truy thu số tiền 70.000 đồng do bị cáo Vàng Thị S bán trái phép ma túy mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Vàng Thị S và Giàng Thị N theo quy định.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày luận cứ bào chữa: nhất trí về tội danh cũng như điều luật, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 – BLHS do các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn để xử phạt các bị cáo mức thấp nhất đề nghị của Kiểm sát viên. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo không bổ sung ý kiến gì thêm, nhất trí và không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: hai bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 15/6/2024 và ngày 23/6/2024, tại địa phận bản K, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, Vàng Thị S đã 02 lần mua trái phép Heroine, mỗi lần mua 01 gói với tổng số tiền mua là 250.000 đồng, mục đích để bán kiếm lời. Sau đó,

Vàng Thị S mang Heroine về nhà tại bản H, xã T, huyện T chia thành nhiều gói nhỏ. Trong các ngày 16/6/2024 và ngày 23/6/2024, tại bản Huổi Cầy, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, Vàng Thị S đã 04 lần bán trái phép tổng số 04 gói Heroine, lần lượt bán cho: Vàng Thị D, Giàng Thị N, Sùng A T lấy tổng số tiền 370.000 đồng. Cụ thể: ngày 15/6/2024, S bán cho D 01 gói Heroine lấy 20.000 đồng, sau đó bán Nu 01 gói Heroine lấy 50.000 đồng. Đến ngày 23/6/2024, S tiếp tục bán cho N 01 gói Heroine lấy 250.000 đồng, sau đó bán cho T 01 gói Heroine lấy 50.000 đồng. Hồi 06 giờ 15 ngày 25/6/2024, tại bản Gia, xã T, huyện T, Giàng Thị N bị Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang, thu giữ 01 gói Heroine có khối lượng 0,7 gam, mục đích để sử dụng. Khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Vàng Thị S, Cơ quan điều tra thu giữ số tiền 300.000 đồng do S bán Heroine mà có.

Hành vi nêu trên của bị cáo Vàng Thị S phạm vào tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự đó là *"phạm tội nhiều lần";* đối với bị cáo Giàng Thị N đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 – Bộ luật Hình sự 2015 nên việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được mọi hành vi liên quan đến chất ma túy đều vi phạm pháp luật, bị cáo N vì nghiện chất ma túy muốn có ma túy sử dụng nên bị cáo cố ý tàng trữ để sử dụng cho bản thân; bị cáo S vì lợi nhuận từ việc mua bán trái phép chất ma túy nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, do đó cần phải xử lý nghiêm minh.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự 2015.

Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và các luận cứ mà người bào chữa cho các bị cáo trình bày tại phiên tòa về tội danh, điều, khoản truy tố và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Vàng Thị S và Giàng Thị N chưa có tiền án, tiền sự, là những người phụ nữ nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, không làm tròn bổn phận người vợ, người mẹ, lao động nuôi dạy con cái, bị cáo N là người nghiện chất ma túy, bị cáo S lười lao động muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên các bị cáo đã vi phạm pháp luật. Do đó, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục các bị cáo, để các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn

trọng sự quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và cũng nhằm mục đích đấu tranh và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập không ổn định, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng các hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 251 - Bộ luật hình sự đối với bị cáo S; quy định tại khoản 5 Điều 249 đối với bị cáo N.

[7] Biện pháp ngăn chặn: cần áp dụng điều 329 – Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án, thời gian tạm giữ, tạm giam được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo S; Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án đối với bị cáo N.

[8] Về vật chứng còn lại của vụ án gồm: 0,6 gam Heroine là vật cấm tàng trữ; 01 mảnh ni lon màu trắng; 01 vỏ bì niêm phong ban đầu; 01 cân tiểu ly tự chế không còn giá trị sử dụng; 01 túi vải nhiều màu sắc dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy số vật chứng trên.

Số tiền 300.000 đồng do bị cáo S bán H1 cho Giàng Thị N là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Số tiền 70.000 đồng do bị cáo S bán H1 cho Giàng Thị N và Sùng A T là số tiền do phạm tội mà có nhưng bị cáo tiêu xài hết. Do vậy, cần truy thu số tiền trên để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về nguồn gốc H1, bị cáo Vàng Thị S khai mua của Giàng A V1 (sinh năm 1973; nơi cư trú bản K, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La). Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, hiện Giàng A V1 không có mặt tại địa phương, khi nào điều tra làm rõ được sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của: Vàng Thị D, Sùng A T, Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt hành chính.

Đối với Vàng A D1 và Cứ Thị L cho Giàng Thị N đi nhờ xe mô tô để đi làm thuê nhưng anh D1 và chị L không biết việc Giàng Thị N đang tàng trữ trái phép chất ma túy trên người nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Vàng A D1 và Cứ Thị L là đúng quy định.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo do các bị cáo Vàng Thị S và Giàng Thị N là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phủ phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 – Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Vàng Thị S;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Giàng Thị N;

Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 – Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo: **Vàng Thị S** phạm tội: *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*; bị cáo **Giàng Thị N** phạm tội*: " Tàng trữ trái phép chất ma túy"*

1. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vàng Thị S 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/6/2024.

Xử phạt bị cáo Giàng Thị N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Khấu trừ cho bị cáo 06 (sáu) ngày tạm giữ *(từ ngày 25/6/2024 đến ngày 01/7/2024).* Thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại của bị cáo là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 bì bên trong đựng 0,6 gam Heroine; 01 (một) phong bì bên trong đựng 01 mảnh ni lon màu trắng; 01 túi vải đa màu sắc; 01 vỏ bì niêm phong ban đầu;

Sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng.

(Tình trạng vật chứng, tài sản theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/10/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên).

Truy thu số tiền 70.000 đồng của bị cáo Vàng Thị S để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Các bị cáo Vàng Thị S và Giàng Thị N, mỗi bị cáo được miễn 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo Vàng Thị S và Giàng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân cấp trên để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKS huyện Than Uyên (2b);
- THA dân sự H. Than Uyên;
- CQĐT huyện Than Uyên;
- CQ THAHS H. Than Uyên;
- Nhà tạm giữ CAH. Than Uyên
- THA PT; Người bào chữa;
- Bị cáo (02);
- Sở Tư pháp Lai Châu;
- UBND xã Ta Gia (để biết);
- Lưu HS – TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Mỹ Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Khánh Ly	**Nguyễn Trung Kiên**	**Lương Thị Mỹ Hằng**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKS huyện Than Uyên (2b);
- THA dân sự H. Than Uyên;
- CQĐT huyện Than Uyên;
- CQ THAHS H. Than Uyên;
- Nhà tạm giữ CAH. Than Uyên
- THA PT;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp Lai Châu;
- UBND xã Mường Kim (để biết);
- Lưu HS – TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Mỹ Hằng